

Bản án số 03/2023/DS-PT

Ngày 05 – 01 – 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ
thanh toán qua tài khoản không dùng tiền mặt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2022/DS-PT ngày 03-10-2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản không dùng tiền mặt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 14-6-2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 25-11-2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 158/2022/TLPT-DS ngày 14-12-2022; giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng T.** Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, số 1X Pasteur, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng; theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04-01-2021 của Tổng Giám đốc và Giấy uỷ quyền số 62300.21 ngày 24-9-2021 của Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ; có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Đăng V**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị Hương L**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 171 đường D, tổ 146, phường E, quận F, Đà Nẵng; vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1949 và bà Phan Thị N, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số 171 đường T, tổ 146, phường E, quận F, Đà Nẵng; vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Ngân hàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Ngân hàng T trình bày tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà:*

Ngày 09-02-2018, Ngân hàng T - Chi nhánh Đà Nẵng ký với ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị Hương L Hợp đồng tín dụng số: 084.HĐTD401.18 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L vay số tiền 500.000.000đ; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 09-02-2018. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,69%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,29%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị Hương L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 084.KUNN401.18 ngày 09-02-2018 với số tiền 500.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000đ trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 084.HDTC401.18 ngày 09-02-2018 được công chứng tại văn phòng công chứng Trọng Tâm, thành phố Đà Nẵng ngày 09-02-2018, số công chứng 1150, quyền số 01/TP/CC-SCC/HDGD và tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25-7-2019, Ngân hàng tiếp tục ký với ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị Hương L Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019 với nội dung Ngân hàng cho ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị Hương L vay số tiền 820.000.000đ; Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu về vay mua xe ô tô TOYOTA FOETUNE; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: lãi suất vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân, thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 25-9-2019 ngân hàng đã giải ngân cho ông V, bà L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 3043751(1).19 số tiền

820.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 820.000.000đ trên là: Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển số 43A-479.60 đứng tên ông Nguyễn Đăng V theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số: 2092578.19 ngày 25-7-2019.

Ngoài ra, ông Nguyễn Đăng V đã đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12-8-2019 tại Ngân hàng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019. Ngày 14-8-2019, ông V được cấp thẻ tín dụng quốc tế số tài khoản thẻ 00000000034181 sử dụng với hạn mức tín dụng là 46.000.000đ phù hợp với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông V, bà L trả nợ. Các khoản vay chuyển thành nợ quá hạn (nợ xấu nhóm 3), tính đến thời điểm xét xử (ngày 14-6-2022), ông V, bà L còn nợ các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018. Nợ gốc là 364.864.384đ, nợ lãi 40.649.758đ, nợ lãi quá hạn 23.080.236đ. Tổng cộng ông V, bà L nợ 428.594.378đ.

- Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019. Nợ gốc là 668.452.000đ; trong đó nợ lãi: 69.486.907đ; nợ lãi quá hạn: 42.581.247đ. Tổng cộng ông V, bà L nợ 780.520.154đ.

Như vậy, ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L còn nợ Ngân hàng đối với 02 Hợp đồng tín dụng nói trên với tổng số tiền là 1.209.114.532đ, trong đó nợ gốc: 1.033.318.384đ, nợ lãi: 110.136665đ, nợ lãi quá hạn: 65.661.483đ.

- Ngoài ra, ngày 14-8-2019 ông V được cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 46.000.000đ và hiện ông V còn nợ ngân hàng. Nợ gốc: 39.470.425đ, nợ lãi: 18.082.790đ, nợ phí: 42.571.353đ. Tổng cộng ông V nợ 100.124.568đ.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N và Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển số 43A-479.60 đứng tên ông Nguyễn Đăng V.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên. Trong trường hợp ông V, bà L không trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng để đảm bảo cho việc thu hồi 03 khoản nợ. Đối với xe ô tô con nhãn

hiệu Toyota, biển số 43A-479.60 đứng tên ông Nguyễn Đăng V, ông V, bà L thế chấp tại Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số: 2092578.19 ngày 25-7-2019 để đảm bảo cho khoản vay 820.000.000, Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên, vì hiện tại ông V đã mang tài sản trên đi đâu không rõ. Trong trường hợp Ngân hàng biết tài sản ở đâu thì Ngân hàng yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

** Bị đơn - ông Nguyễn Đăng V trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt; bà Nguyễn Thị Hương L tại Bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hương L thừa nhận bà L và ông V có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000đ tại Hợp đồng tín dụng số: 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018 và vay số tiền 820.000.000đ tại Hợp đồng tín dụng số 3043751.19 ngày 25-7-2019.

Ngoài ra, ông Nguyễn Đăng V đã đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 12-8-2019 tại Ngân hàng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019. Ngày 14-8-2019 ông V được cấp thẻ tín dụng quốc tế số tài khoản thẻ 00000000034181 sử dụng với hạn mức tín dụng là 46.000.000đ. Thời gian vay, lãi suất vay, mục đích vay và phương thức trả nợ như trình bày của Ngân hàng là đúng. Hiện tại bà L và ông V còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền của hai Hợp đồng với tổng số tiền 1.209.114.532đ, trong đó nợ gốc: 1.033.318.384đ, nợ lãi: 110.136665đ, nợ lãi quá hạn: 65.661.483đ. Tài sản thế chấp cho khoản vay 500.000.000đ là nhà, đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng do cha mẹ của bà L là ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N đứng tên chủ sở hữu. Riêng khoản vay 820.000.000đ để mua xe ô tô là ông V tự vay, bà L chỉ ký vào Hợp đồng tín dụng. Đối với khoản vay 820.000.000đ ông V vay mua ô tô một mình ông V sử dụng. Vì vậy, ông V có trách nhiệm bán xe trả nợ cho Ngân hàng, bà L không có trách nhiệm trả số tiền trên. Bà không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp nhà, đất của cha mẹ bà L để thu hồi nợ. Còn đối với số khoản vay 500.000.000đ, số tiền vay còn lại, tiền lãi phát sinh bà L đồng ý cùng với bà N, ông D trả nợ để lấy sổ đỏ về. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình bà L chưa thể trả các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu D, bà Phạm Thị N trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu D, bà Phạm Thị N chỉ xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp đối với tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, số vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18 để ông V, bà L vay số tiền 500.000.000đ. Ngoài ra, ông D, bà N không đồng ý tiếp tục bảo đảm cho khoản vay nào khác của ông Nguyễn Đăng V và bà Nguyễn Thị Hương L. Ông D, bà N tự nguyện trả dư nợ còn lại đối với khoản vay tại Hợp đồng tín

dụng số: 084.HĐTD401.18 với số tiền là 415.518.924đ. Ông D, bà N không đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ cho ông V, bà L đối với toàn bộ khoản nợ mà ông V, bà L vay để mua ô tô và số tiền ông V nợ thẻ tín dụng.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L trả số tiền nợ 1.209.114.532đ (Trong đó nợ gốc: 1.033.318.384đ, nợ lãi: 110.136665đ, nợ lãi quá hạn: 65.661.483đ). Buộc ông Nguyễn Đăng V trả nợ tiền mở thẻ tín dụng thanh toán quốc tế với số tiền: 100.124.568đ (Trong đó nợ gốc: 39.470.425đ, nợ lãi: 18.082.790đ, nợ phí: 42.571.353đ).

Về xử lý tài sản thế chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, trong trường hợp ông V, bà L không trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308 nói trên để đảm bảo cho việc thu hồi nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019.

** Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 14-6-2022 như sau:*

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Hương L.

Xử: Buộc ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho Ngân hàng T tại 02 hợp đồng tín dụng (số: 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018 và số: 3043751.19 ngày 25-7-2019) với số tiền: 1.209.114.532đ; Trong đó nợ gốc: 1.033.318.384đ, nợ lãi: 110.136665đ, nợ lãi quá hạn: 65.661.483đ.

Buộc ông Nguyễn Đăng V trả nợ tiền mở thẻ tín dụng thanh toán quốc tế với số tiền: 100.124.568đ; Trong đó nợ gốc: 39.470.425đ, nợ lãi: 18.082.790đ, nợ phí: 42.571.353đ.

Kể từ ngày 15-6-2022 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số

084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018; Hợp đồng tín dụng số 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, số vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, trong trường hợp ông V, bà L không trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018 (hiện còn nợ tiền gốc là 364.864.384đ, nợ lãi là 40.649.758đ, nợ lãi quá hạn 23.080.236đ. Tổng cộng ông V, bà L nợ 428.594.378đ).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, số vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo cho việc thu hồi nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019.

Trong trường hợp ông V, bà L thanh toán đủ số tiền còn lại tại Hợp đồng tín dụng số: 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018 thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, số vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải chịu với số tiền: 48.273.435đ.

Ông Nguyễn Đăng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 5.006.228đ.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ do Ngân hàng nộp. Ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải chịu. Ông V, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại 3.000.000đ cho Ngân hàng.

Hoàn Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 23.006.785đ đã nộp tại biên lai thu số 0000048 ngày 25-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo*: Ngày 27-6-2022, Ngân hàng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên về phần tuyên xử lý tài sản thế chấp. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, số vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho việc thu hồi nợ của ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L tại Hợp đồng tín dụng số 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018, Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn - ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L có ký kết với nhau 02 Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 084.HDTD401.18, ngày 09-02-2018, số tiền vay là 500.000.000đ; Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở; Thời hạn vay: 120 tháng.

- Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019, số tiền vay là 820.000.000đ; Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu về vay mua xe ô tô; Thời hạn vay: 84 tháng.

Ngoài ra, Ngân hàng T và cá nhân ông Nguyễn Đăng V còn ký kết với nhau Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019, với hạn mức tín dụng là 46.000.000đ.

[3] Dư nợ còn lại của 03 khoản vay mà vợ chồng ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L và cá nhân ông Nguyễn Đăng V phải thanh toán cho Ngân hàng T được tuyên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 14-6-2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực.

[4] Ngân hàng T chỉ kháng cáo về việc xử lý tài sản đảm bảo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho cả 03 khoản nợ vay nói trên.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng T thì thấy:

[5.1] Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018, có tài sản đảm bảo cho khoản nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017, đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 084.HĐTC401.18 ngày 09-02-2018).

Hợp đồng tín dụng số 3043751.19 ngày 25-7-2019, có tài sản đảm bảo cho khoản nợ là Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển số 43A-479.60 đứng tên ông Nguyễn Đăng V (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 2092578.19 ngày 25-7-2019, nhưng Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đảm bảo này để thu hồi nợ).

Đối với khoản nợ tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019, với hạn mức tín dụng là 46.000.000đ thì không có tài sản đảm bảo.

[5.2] Đồng thời, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 084.HĐTC401.18 ngày 09-02-2018 thể hiện Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng, đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N là đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số: 084.HĐTD401.18, ngày 09-02-2018 mà không liệt kê thêm hợp đồng nào.

[5.3] Tại các văn bản trình bày của ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N cũng khẳng định chỉ đồng ý dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18, ngày 09-02-2018, không đồng ý đảm bảo cho bất kỳ khoản vay nào khác.

[5.4] Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên để xử lý thu hồi nợ đối với 01 khoản nợ vay tại Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18, ngày 09-02-2018 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5.5] Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Ngân hàng T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng.

[6] Ngân hàng không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng T.

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 14-6-2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Hương L.

- Buộc ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải trả cho Ngân hàng T tại 02 Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018 và số 3043751.19 ngày 25-7-2019 với số tiền: **1.209.114.532đ** (*một tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, một trăm mười bốn nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng*); Trong đó nợ gốc 1.033.316.384đ, nợ lãi 110.136.665đ, nợ lãi quá hạn 65.661.483đ.

- Buộc ông Nguyễn Đăng V trả nợ tiền mở thẻ tín dụng thanh toán quốc tế với số tiền **100.124.568đ** (*một trăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng*); Trong đó nợ gốc 39.470.425đ, nợ lãi: 18.082.790đ, nợ phí 42.571.353đ.

Kể từ ngày 15-6-2022 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 084.HĐTD401.18 ngày 09-02-2018; Hợp đồng tín dụng số 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử

dụng tài khoản ngày 12-8-2019 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận F, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017, đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, trong trường hợp ông V, bà L không trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018 (hiện còn nợ tiền gốc là 364.864.384đ, nợ lãi là 40.649.758đ, nợ lãi quá hạn 23.080.236đ; Tổng cộng ông V, bà L nợ 428.594.378đ).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc xử lý, phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Lô 63-B2.1b, Khu phố 1 - TT đô thị mới Tây Bắc, phường E, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017, đứng tên ông Nguyễn Hữu D, bà Phan Thị N để đảm bảo cho việc thu hồi nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 3043751.19 ngày 25-7-2019 và Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12-8-2019.

- Trong trường hợp ông V, bà L thanh toán đủ số tiền còn lại tại Hợp đồng tín dụng số 084.HDTD401.18 ngày 09-02-2018 thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 037240, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 133433 do sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 21-7-2017 đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Phan Thị N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải chịu với số tiền: 48.273.435đ (*bốn mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng*).

- Ông Nguyễn Đăng V phải chịu: 5.006.228đ (*năm triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng*).

- Hoàn trả Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 23.006.785đ (*hai mươi ba triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000048 ngày 25-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị Hương L phải chịu 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Ông V, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) cho Ngân hàng T do Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0005330 ngày 06-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai